

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 09/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 22-01-2026.

V/v “Xin ly hôn ”giữa bà

Nguyễn Thị N và ông Bùi Thanh

C

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Trần Thị Quế**

bà **Lê Thị Sáu**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dur Thị Kiều Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà **My La** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 566/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: hẻm 14/26 Phạm Phú Thứ, phường B’L, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Anh Bùi Thanh C, sinh năm 1981

Địa chỉ: hẻm 14/26 Phạm Phú Thứ, phường B’L, tỉnh Lâm Đồng

(chị N có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-11-2025 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường B’L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30 tháng 6 năm 2009. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không hòa giải được, anh C về nhà mẹ đẻ từ giữa tháng 11/2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 và Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012, ly hôn chị N yêu cầu được nhận nuôi con chung tên L đến đủ 18 tuổi, đồng ý giao con chung tên N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong thời gian sống chung vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C đã về nhà mẹ đẻ ở từ giữa tháng 11 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nhưng do vì con cái, muốn con có đủ cha, đủ mẹ nên anh C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 và Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012, ly hôn anh C yêu cầu được nhận nuôi con chung tên N đến đủ 18 tuổi, đồng ý giao con chung tên L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống anh Bùi Thanh C và chị Nguyễn Thị N tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc “*xin ly hôn*” với anh Bùi Thanh C. Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao con chung là Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, giao con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 cho anh C nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống anh Bùi Thanh C và chị Nguyễn Thị N tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh C nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường B’L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30 tháng 6 năm 2009. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không hòa giải được, anh C về nhà mẹ đẻ từ giữa tháng 11/2025 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

Qua xem xét yêu cầu của chị N Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị N và anh C có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau, anh C cũng trình bày vợ chồng không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau, nhưng do vì con cái, muốn con có đủ cha, đủ mẹ nên anh C không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, chứng tỏ vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3.2]Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 và Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012, ly hôn chị N yêu cầu được nhận nuôi con chung tên L đến đủ 18 tuổi, đồng ý giao con chung tên N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nhận nuôi con chung thấy rằng: Hiện nay con chung cháu L còn nhỏ do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, giao con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 cho anh C nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị N, anh C không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh Bùi Thanh C và chị Nguyễn Thị N tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc “*xin ly hôn*” với anh Bùi Thanh C. Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Thanh C được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Giao con chung là Bùi Bảo L, sinh ngày 26/9/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, giao con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/11/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*”.

3/Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009250 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4/Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Thị Sáu – Trần Thị Quế

Vũ Thị Thúy Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4 ;
- UBND phường B’L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thúy Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thúy Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên Phạm Đức Minh

Vũ Thị Thúy Thành

